

CHƯƠNG 4:

KẾ TOÁN CÁC LOẠI NGUỒN VỐN TRONG DOANH NGHIỆP

4.1. KẾ TOÁN CÁC KHOẢN NỢ PHẢI TRẢ

4.1.1. Khái niệm:

Nợ phải trả bao gồm số tiền vốn mà doanh nghiệp đi vay nhằm bổ sung phần thiếu hụt vốn kinh doanh và các khoản phải trả khác phát sinh trong quan hệ thanh toán.

Xét theo thời hạn trả nợ thì nợ phải trả được chia làm 2 loại: Nợ ngắn hạn và nợ dài hạn.

4.1.2. Tài khoản sử dụng:

- TK 311 – Vay ngắn hạn
- TK 315 – Nợ dài hạn đến hạn trả
- TK 331 – Phải trả người bán
- TK 334 – Phải trả người lao động
- TK 341 – Vay dài hạn
- TK 342 – Nợ dài hạn
- TK 344 – Nhận ký cược, ký quỹ dài hạn

4.1.3. Phương pháp hạch toán:

- Vay ngắn hạn mua vật tư, hàng hoá:

Nợ TK 152, 153, 156, 151,...

Nợ TK 133

Có TK 311

- Vay dài hạn đầu tư xây dựng cơ bản hoặc mua sắm tài sản cố định:

Nợ TK 211, 213, 241,...

Nợ TK 133

Có TK 341

- Vay tiền về nhập quỹ tiền mặt hoặc chuyển vào tài khoản tiền gửi:

Nợ TK 111, 112

Có TK 311, 341

- Phát sinh các khoản nợ phải trả khác:

Nợ TK 152, 156, 622, 642, 111, 112,...

Có TK 331, 334, 344,...

- Thanh toán các khoản nợ phải trả:

Nợ TK 311, 315, 331, 334, 341, 344,...

Có TK 111, 112

- Đi vay để thanh toán nợ:

Nợ TK 311, 315, 331, 334,...

Có TK 311

- Thanh toán lãi vay:

- *Thanh toán lãi vay hoạt động*

Nợ TK 635

Có TK 111, 112

- *Thanh toán lãi vay đầu tư (trong giai đoạn đang đầu tư – tài sản chưa chính thức hoạt động)*

Nợ TK 241

Có TK 111, 112,

- *Thanh toán lãi vay phạt (lãi quá hạn)*

Nợ TK 811

Có TK 111, 112

- Kết chuyển nợ dài hạn đến hạn trả:

Nợ TK 341, 342,...

Có TK 315

4.2. KẾ TOÁN NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU

4.2.1. Khái niệm:

Là số vốn của các chủ sở hữu của các chủ sở hữu đóng góp vào mà doanh nghiệp không phải cam kết thanh toán, nguồn vốn này còn được hình thành và bổ sung từ lợi nhuận hoạt động.

4.2.2. Tài khoản sử dụng:

- TK 411 – Nguồn vốn kinh doanh
- TK 412 – Chênh lệch đánh giá lại tài sản
- TK 413 – Chênh lệch tỷ giá

Lưu ý: TK 412, 413 chỉ sử dụng để điều chỉnh các chênh lệch trong giai đoạn doanh nghiệp đang đầu tư xây dựng, chưa chính thức hoạt động và sử dụng để điều chỉnh chênh lệch cuối năm tài chính.

- TK 421 – Lợi nhuận chưa phân phối
- TK 4211 – Lợi nhuận năm trước
- TK 4212 – Lợi nhuận năm nay
- TK 414 – Quỹ đầu tư phát triển
- TK 431 – Quỹ khen thưởng, phúc lợi
- TK 4311 – Quỹ khen thưởng
- TK 4312 – Quỹ phúc lợi
- TK 441 – Nguồn vốn xây dựng cơ bản

4.2.3. Phương pháp hạch toán:

- Tăng nguồn vốn kinh doanh (do được cấp, phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn, bổ sung từ lợi nhuận, chuyển từ nguồn dự trữ,...):

Nợ TK 111, 112, 211, 421, 414, 441,...

Có TK 411

o Hoàn trả vốn:

Nợ TK 411

Có 111, 112, 211,...

o Xử lý phần chênh lệch đánh giá lại tài sản:

– Theo quyết định xử lý

Nợ TK 811, 411

Có TK 412

– Hoặc

Nợ TK 412

Có TK 711, 411

o Xử lý phần chênh lệch tỷ giá:

Nợ TK 635

Có TK 413

– Hoặc

Nợ TK 413

Có TK 515

o Kết chuyển lợi nhuận qua năm:

Nợ TK 4211

Có TK 4212

o Tạm chia hoặc chia lãi liên doanh, cổ tức:

Nợ TK 421

Có TK 338, 111, 112, 411,...

- Tạm trích hoặc trích lập các quỹ:

Nợ TK 421

Có TK 414, 431

- Sử dụng các quỹ:

Nợ TK 414, 431

Có TK 111, 112, 334, 441,...

